

Bản án số: 35/2023/HS-ST
Ngày 27/6/2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Doãn.

Ông Lê Nam Văn

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê - Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Dũng và bà Lê Thị Ninh và - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 35/2023/TLST-HS ngày 16 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2023/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 6 năm 2023 đối với:

Bị cáo **Đỗ Văn V**; sinh ngày 15/3/1987 tại Thanh Hóa; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn Đ và bà Phạm Thị N; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/4/2023 đến ngày 15/4/2023 bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Bị hại: Anh Phạm Văn N, sinh năm 1996. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Người có quyền lợi ghĩa vụ liên quan:

1. Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1996. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

2. Anh Vũ Xuân T, sinh năm 1977. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19^h 00' ngày 15/3/2019, Đỗ Văn Vg đến nhà anh Phạm Văn Đ để uống bia với anh Đ và anh Phạm Văn N, khi đang uống bia thì hết đồ ăn, V hỏi mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe EXCITER 150, màu xanh bạc, BKS: 36F1 - 256.93 của anh N để đi mua thêm đồ ăn, anh N đồng ý. Trên đường đi, do đang cần tiền giải quyết công việc cá nhân nên Vương đã nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe mô tô của anh N. Vương điều khiển chiếc xe trên đến nhà anh Vũ Xuân T và nói với anh T chiếc xe mô tô là của V mới mua do cần tiền giải quyết công việc nên V muốn cầm cố. Anh T đồng ý cầm cố chiếc xe mô tô với số tiền 15.000.000 đồng.

Đến khoảng 21^h 00' cùng ngày V quay về nhà anh Đ gặp anh N và nói “*anh cầm xe rồi, có gì thưa thưa mấy hôm nữa anh lấy ra*”. Anh Ninh không đồng ý và bảo V “*anh lấy xe ra để tối mai em còn phải đi làm*”. Nghe anh N, V hẹn với anh N đến ngày 16/3/2019 sẽ lấy xe ra trả lại cho anh N. Đến hẹn, anh N có hỏi chiếc xe mô tô nhưng V chưa trả được và hứa đến ngày 19/3/2019 sẽ trả xe mô tô cho anh N. Khoảng 19^h ngày 16/3/2019 V gặp anh Đ và nói việc cầm xe mô tô cho anh Đ biết, do đang cần tiền để giải quyết việc riêng nên anh Đ đã nhờ V lấy thêm cho anh Đ 8.000.000 đồng từ việc cầm cố chiếc xe trên. V nói: “*Em hỏi qua thằng N đi xem nó có cho không*”. Khoảng 19^h30' cùng ngày anh Đông đến gặp anh Ninh và nói: “*Tao đang cần tiền gấp để giải quyết công việc mà không biết xoay sở ở đâu, mày cho tao đến chỗ cầm đồ mà anh Vương đã cầm cố chiếc xe của mày để lấy thêm 8.000.000 đồng nữa, mấy hôm nữa tao với anh V sẽ có trách nhiệm lấy xe ra cho mày*”. Do nể anh Đ là bạn bè nên anh N đồng ý. Sau đó, anh Đ cùng với Vương đến gặp anh T, anh V nói: “*Đ đang cần tiền gấp, anh cho bọn em lấy thêm 8.000.000 đồng nữa, cả hai sẽ có trách nhiệm với chiếc xe trên*”. Anh T đồng ý và đưa tiền rồi bảo Đ và Vương viết giấy cầm cố.

Đến ngày 18/3/2019, anh Đ gặp V và đưa số tiền 8.000.000 đồng cho V để lấy xe trả cho anh N. Tuy nhiên, đến ngày 19/3/2019, do không có đủ tiền lấy xe trả cho anh N nên V đã bỏ trốn khỏi địa phương không liên lạc với gia đình và anh N để không phải trả xe cho anh N. Do chưa nhận được xe và không liên lạc được với V nên đến ngày 11/4/2019 anh N đã làm đơn tố cáo gửi đến Cơ quan Công an huyện H để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hồi 11^h 15' ngày 12/4/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện H đã tiến hành tạm giữ 01 xe mô tô, nhãn hiệu YAMAHA, loại xe EXCITER 150, màu xanh bạc, BKS: 36F1 - 256.93 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên chủ xe Phạm Văn Ninh.

Kết luận định giá tài sản số 14 KL-HĐĐGHS ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự kết luận: 01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA, số loại EXCEITER màu xanh-bạc, 150 phân khối, BKS: 36F1 - 256.93, mua tháng 10/2016, hiện tại có giá 35.700.000 đồng.

Đến ngày 06/4/2023, biết không thể trốn tránh được nên Đỗ Văn V đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đầu thú và khai báo hành vi phạm tội của mình.

Đối với anh Phạm Văn Đ, trước khi đến cơ sở cầm đồ của anh Vũ Xuân T để lấy thêm số tiền 8.000.000 đồng, anh Đông đã hỏi ý kiến và được sự đồng ý của anh N, sau đó anh Đ đã thực hiện đúng như đã hứa hẹn và đưa lại số tiền cho V để lấy xe trả cho anh N. Vì vậy, hành vi của anh Đ không cấu thành tội phạm nên Cơ quan CSĐT không xem xét xử lý.

Anh Vũ Xuân T có hành vi nhận cầm cố tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác nhưng không có giấy ủy quyền hợp lệ của người đó cho người mang tài sản đi cầm cố. Tuy nhiên, đến nay đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi trên của anh T. Tại thời điểm Đỗ Văn V đến cầm cố xe mô tô cho anh T thì anh T không biết nguồn gốc của chiếc xe trên là do V chiếm đoạt của anh N mà có nên Cơ quan CSĐT không xem xét xử lý.

Về vật chứng của vụ án: Ngày 12/8/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hậu Lộc đã xử lý vật chứng, trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại EXCEITER màu xanh-bạc, 150 phân khối, BKS: 36F1 - 256.93 cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Phạm Văn N.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 12/4/2019, Đỗ Văn V đã tự nguyện trả lại số tiền 23.000.000 đồng (trong đó có số tiền 8.000.000 đồng của anh Phạm Văn Đ) cho anh Vũ Xuân T. Anh T không yêu cầu Vương phải bồi thường gì thêm.

Cáo trạng số 39/CT-VKSHL ngày 15/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố bị cáo Đỗ Văn V về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật nêu trên, sau khi đánh giá tính chất vụ án, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175, điểm b, i, s khoản 1,2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên bố bị cáo Đỗ Văn V phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; mức hình phạt đối với bị cáo từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng, giao bị cáo cho UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa để giám sát và giáo dục; không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo và buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng đã truy tố, đồng ý với Bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa và lời nói sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hậu Lộc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ căn cứ kết luận: Vào hồi 19^h 30' ngày 15/3/2023, Đỗ Văn V mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại EXCITER màu xanh-bạc, 150 phân khối, BKS: 36F1 - 256.93 của anh Phạm Văn N để đi mua thêm đồ ăn về uống bia. Trên đường đi, V nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe để lấy tiền giải quyết việc cá nhân nên điều khiển xe mô tô đến nhà anh Vũ Xuân T cầm cố với giá 15.000.000 đồng, sau đó V cùng với anh Đ lấy tiếp 8.000.000 đồng cho Đ, đến hạn anh Đ đưa lại cho bị cáo số tiền 8.000.000 đồng để bị cáo lấy xe trả cho anh N nhưng bị cáo không lấy xe trả cho anh N mà bỏ trốn khỏi địa phương. Đến ngày 06/4/2023, Đỗ Văn V đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đầu thú và khai báo về hành vi phạm tội của mình.

Kết luận định giá tài sản số 14/KL-HĐĐGHS ngày 12/4/2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự kết luận: 01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA, số loại EXCEITER màu xanh-bạc, 150 phân khối, BKS: 36F1 - 256.93, mua tháng 10/2016, hiện tại có giá 35.700.000 đồng (Ba mươi lăm triệu bảy trăm nghìn đồng).

Hành vi của Đỗ Văn V đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm của tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất của vụ án thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Bị cáo là người đã thành niên, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Do đó cần phải có hình phạt phù hợp nhằm giáo dục bị cáo và giáo dục chung cho xã hội.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả do hành vi gây ra, sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hậu Lộc đầu thú khai báo về hành vi phạm tội của mình, bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, do đó cần áp dụng các quy định tại điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nên có thể cho bị cáo cải tạo giáo dục tại địa phương là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo nghề nghiệp không ổn định, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[7] Về bồi thường dân sự: Tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của anh Phạm Văn N, Cơ quan Công an huyện Hậu Lộc đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu, anh N không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét, số tiền cầm cố xe bị cáo đã trả lại cho anh Vũ Xuân T, anh T không có ý kiến gì thêm nên không xem xét.

[8] Án phí: Bị cáo là người bị kết án và không thuộc trường hợp miễn án phí nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự

Khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Văn V phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Văn V 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **02 (Hai)** năm 06 (Sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đỗ Văn V cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa để giám sát và giáo dục. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Án phí: Buộc bị cáo Đỗ Văn V chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện H;
- Cơ quan điều tra Công an huyện H;
- Cơ quan THA HS huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Cao Thị Nga